

Bản án số: **59 /2022DS-ST**

Ngày: 09 - 5- 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2021/TLST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29 /2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Viết Qu, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ: Tổ 34, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kỳ A, sinh năm 1998;

Địa chỉ 121 Lê Kim Lăng, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (Theo Văn bản ủy quyền đã được Công chứng hợp pháp tại Văn phòng Công chứng Phước Nhân ngày 28 tháng 12 năm 2021); (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông Cao Tư Th, sinh năm 1953 và bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ: Số 160 L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; (Ông Thế, bà Lan có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2021 và lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Ngô Thị Kỳ A trình bày:

Do quen biết nhau nên từ ngày 26/08/2019 đến 10/10/2021 vợ chồng ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị Bcho vợ chồng ông Đào Tư Th và bà Trần Thị Kim L vay số tiền là 962.000.000. Vay 2 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 27/08/2019 vợ chồng ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị Bcho vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vay số tiền 450.000.000đ, thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày 26/08/2019, mục đích vay để nộp tiền lô đất số 16 phân khu B2-5 thuộc khu dân cư Trung Nghĩa, vay không lãi suất nhưng đến nay vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vẫn không chịu trả, mặc dù vợ chồng ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị B đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L thực hiện nghĩa vụ nợ.

Nay vợ chồng ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L trả lại số tiền gốc là 450.000.000đ. (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu trả lãi tính từ 27/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (9/5/2022) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả là 621 ngày. Được tính như sau: $450.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm/365 \text{ ngày} \times 621 \text{ ngày} = 76.561.643 \text{ đồng}$.

Lần 2: Ngày 10/10/2021 vợ chồng ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị Bcho vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vay số tiền 512.000.000đ. Vợ chồng ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị B có đề nghị vợ chồng Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L tính tổng số tiền vay ngày 27/08/2019 (lần 1) cùng với số tiền mượn lần này là 962.000.000 đồng ghi vào giấy mượn tiền. Sau khi mượn tiền lần 2 vợ chồng Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L hứa sẽ trả một lần cùng với số tiền vay lần thứ nhất. Vậy số tiền vay lần 2 là 512.000.000đ, không lãi suất, không kỳ hạn, nhưng đến nay vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vẫn không chịu trả, mặc dù vợ chồng ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị B đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L thực hiện nghĩa vụ nợ. Do vậy ngày 14/12/2021 vợ chồng ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L trả lại số tiền gốc là 512.000.000đ. (Năm trăm mười hai triệu đồng) và yêu cầu trả lãi tính từ ngày khởi kiện (ngày 14/12/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm (9/5/2022) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả là 147 ngày. Được tính như sau: $512.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm/365 \text{ ngày} \times 147 \text{ ngày} = 20.620.274 \text{ đồng}$.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích cho mình vợ chồng ông Q và bà B yêu cầu vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L trả cho vợ chồng ông Q và bà B số tiền 1.059.181.917 đồng. Trong đó tiền gốc là 962.000.000 đồng, tiền lãi 97.181.917 đồng (gồm lãi lần 1: 76.561.643 đồng + lãi lần 2: 20.620.274 đồng)

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 02 năm 2022 bị đơn ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L trình bày:

Ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim Lxác nhận có vay ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị Bnhư người đại diện theo ủy quyền của ông Qu, bà Btrình bày là đúng sự thật. Nay ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị Byêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 1.059.181.917 đồng. Trong đó tiền gốc là 962.000.000 đồng, tiền lãi 97.181.917 đồng (gồm lãi lần 1: 76.561.643 đồng + lãi lần 2: 20.620.274 đồng) ông bà đồng ý trả nhưng do điều kiện hoàn cảnh khó khăn, chưa bán được đất nên không thể thanh toán trả số tiền nợ trên một lần cho ông Quyết bà Bận. Ông Thế và bà Lan xin được trả nợ trong năm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 12 năm 2021 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 10 tháng 10 năm 2021. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tiền.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ: Số 160 L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị Bđòi ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim Ltrả số tiền gốc 962.000.000đ (Chín trăm sáu mươi hai triệu đồng) HĐXX xét thấy: Ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị Bcho ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vay 02 lần tiền, lần 01 có thời hạn, không có lãi suất, lần 2 không thời hạn và không lãi suất. Cụ thể 02 lần vay như sau:

Lần 1: Căn cứ nội dung của hợp đồng vay tiền ngày 27 tháng 8 năm 2019 vợ chồng ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị Bcho vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vay số tiền 450.000.000đ, thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày 26/08/2019, mục đích vay để nộp tiền lô đất số 16 phân khu B2-5 thuộc khu dân cư Trung Nghĩa, vay không lãi suất nhưng đến nay vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vẫn không chịu trả, mặc dù vợ chồng ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị B đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vẫn không thực hiện nghĩa vụ nợ.

Nay vợ chồng ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị Byêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L trả lại số tiền gốc là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Căn cứ nội dung hợp đồng vay tiền

ngày 27 tháng 08 năm 2019 và tại phiên tòa cũng như tại bản tự khai ngày 25 tháng 02 năm 2022 ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L thừa nhận ông, bà có vay của ông Đào Viết Q bà Nguyễn Thị B. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS năm 2015 ghi nhận: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Như vậy ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L đã vay của ông Đào Viết Q bà Nguyễn Thị B số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) là có thật.

Lần 2: Ngày 10/10/2021 vợ chồng ông Đào Viết Q bà Nguyễn Thị B cho vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vay số tiền 512.000.000 đồng vợ chồng ông Đào Viết Q bà Nguyễn Thị B có đề nghị vợ chồng Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L tính tổng số tiền vay ngày 27/08/2019 (vay lần 1) cùng với số tiền mượn lần này là 962.000.000 đồng ghi vào giấy mượn tiền. Vậy số tiền vay lần 2 là 512.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không kỳ hạn, nhưng đến nay vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vẫn không chịu trả, mặc dù vợ chồng ông Đào Viết Q bà Nguyễn Thị B đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vẫn không thực hiện nghĩa vụ nợ.

Nay vợ chồng ông Đào Viết Q bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L trả lại số tiền gốc là 512.000.000đ. (Năm trăm mười hai triệu đồng). Căn cứ nội dung giấy mượn tiền ngày 10 tháng 10 năm 2021 và tại phiên tòa cũng như tại bản tự khai ngày 25 tháng 02 năm 2022 ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L thừa nhận ông, bà có vay của ông Đào Viết Q bà Nguyễn Thị B số tiền 512.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS năm 2015 ghi nhận: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông Đào Viết Q bà Nguyễn Thị B có cho ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vay 02 lần với tổng số tiền gốc 962.000.000 đồng, ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L cũng đã thừa nhận có vay nên căn cứ khoản 1 Điều 466 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Viết Q bà Nguyễn Thị B, buộc ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L phải trả cho ông Đào Viết Q bà Nguyễn Thị B số tiền gốc 962.000.000đ (Chín trăm sáu mươi hai triệu đồng).

[2.2] Xét yêu cầu trả lãi của ông Đào Viết Q bà Nguyễn Thị B đối với ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L thì thấy:

Lần 1: Vào ngày 27 tháng 8 năm 2019 ông Đào Viết Q bà Nguyễn Thị B cho ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vay số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), không lãi suất, thời hạn vay 01 năm (kể từ ngày 26/8/2019 đến 26/8/2020

) ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim Lhen đến ngày 26 tháng 8 năm 2020 trả lại số tiền cho ông Đào Viết Qubà Nguyễn Thị B, nhưng đến nay ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L chưa trả, nên ông Qu, bà Byêu cầu trả lãi của số tiền gốc 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian trả tính từ ngày 27/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 9/5/2022)

HĐXX xét thấy:

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền giữa ông Qubà B và ông Th bà L vào ngày 27 tháng 8 năm 2019 không thỏa thuận lãi suất nhưng ông Th bà L đã vi phạm cam kết (*hẹn đến ngày 26/8/2020 trả mà đến nay vẫn chưa trả*) nên ông Qubà Byêu cầu ông Th bà L trả lãi quá hạn tính từ ngày 27/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 9/5/2022) với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, để bảo đảm quyền lợi cho ông Qubà B chấp nhận yêu cầu trả lãi của ông Qubà B đối với ông Th bà Lan. Lãi tính như sau:

$450.000.000\text{đ (gốc)} \times 10\%/năm/365 \text{ ngày} \times 621 \text{ ngày} = 76.561.643 \text{ đồng}$

Như vậy ông Th bà L phải trả cho ông Qubà B số tiền vay **lần 1 là: 450.000.000 đồng + 76.561.643 đồng = 526.561.643 đồng**

Lần 2: Vào ngày 10 tháng 10 năm 2021 ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị B cho ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim L vay số tiền 512.000.000đ (Năm trăm mười hai triệu đồng), không lãi suất, không thỏa thuận thời hạn vay, nhưng đến nay ông Th bà L chưa trả, nên ông Qu, bà Byêu cầu trả lãi của số tiền gốc 512.000.000đ (Năm trăm mười hai triệu đồng) theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian trả tính từ ngày 14/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 9/5/2022)

HĐXX xét thấy:

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền giữa ông Qubà B và ông Th bà L vào ngày 10 tháng 10 năm 2021. Đây là hợp đồng không kỳ hạn và không thỏa thuận lãi suất thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Theo đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày sau khi mượn tiền lần 2 (*ngày 10 tháng 10 năm 2021*) bị đơn hứa sẽ trả một lần cùng với số tiền vay lần thứ nhất nhưng bị đơn không trả nên ngày 14 tháng 12 năm 2021 nguyên đơn kiện ra Tòa nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi tính từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện (ngày 14/12/2021) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/5/2022). Còn tại phiên tòa bị đơn thừa nhận nguyên đơn có đến nhà bị đơn yêu cầu bị đơn đưa giấy tờ nhà đất, sổ lô và hẹn trong vòng 07 ngày bị đơn không đưa thì nguyên đơn khởi kiện.

Như vậy nguyên đơn đã báo cho bị đơn và bị đơn cũng đã thừa nhận nguyên đơn đã báo cho bị đơn về thời gian trả nợ và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn cũng đồng ý trả nợ lãi theo yêu cầu của nguyên đơn từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện (ngày 14/12/2021) nên HĐXX chấp nhận yêu cầu tính

lãi của nguyên đơn đối với bị đơn từ ngày 14/12/2021 đến ngày xét xử thẩm (ngày 9/5/2022) với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định các điều 468, 469 BLDS năm 2015.

Lãi tính như sau:

$512.000.000đ \text{ (gốc)} \times 10\%/năm/365 \text{ ngày} \times 147 \text{ ngày} = 20.620.274 \text{ đồng}$

Như vậy ông Th bà Lphải trả cho ông Qubà Bsố tiền **lần 2** là: 512.000.000 đồng + 20.620.274 đồng = **532.620.274 đồng.**

Tổng cộng ông Thế, bà Lan phải trả cho ông Qu, bà Bsố tiền **1.059.181.917 đồng = (526.561.643 đồng + 532.620.274 đồng.)**

[3] Do chấp nhận yêu cầu của ông Qubà Bnên ông Th bà Lphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 43.775.457 đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 280, 357, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 147, 186, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị Bđối với ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim Lvề việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tiền”.

1. Xử Buộc ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim Lphải trả cho ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị Bsố tiền **1.059.181.917 đồng** (Một tỷ không trăm năm mươi chín triệu một trăm tám mươi một ngàn chín trăm mười bảy đồng). Trong đó tiền gốc 962.000.000 đồng, tiền lãi 97.181.917 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cao Tư Th và bà Trần Thị Kim Lphải chịu là 43.775.457 đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng)

Ông Đào Viết Qu bà Nguyễn Thị Bđược miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

